

BÁO CÁO
Công tác bảo vệ môi trường huyện Bà Rịa năm 2022

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc Quy định chi tiết thi hành một số điều của thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Ủy ban nhân dân huyện báo cáo Hội đồng nhân dân huyện Công tác bảo vệ môi trường huyện Bà Rịa năm 2022 với những nội dung chủ yếu sau đây:

I. Bối cảnh chung về kinh tế - xã hội và các tác động chính đến môi trường

1. Vị trí địa lý

Huyện Bà Rịa nằm phía Bắc của tỉnh Bình Dương, cách trung tâm tỉnh Bình Dương 30 km (theo Quốc lộ 13).

Ranh giới hành chính huyện Bà Rịa như sau:

- Phía Đông giáp huyện Phú Giáo;
- Phía Tây giáp huyện Dầu Tiếng;
- Phía Nam giáp thị xã Bến Cát;
- Phía Bắc giáp huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

2. Điều kiện tự nhiên, dân cư

Theo kết quả thống kê đất đai năm 2021 huyện Bà Rịa có diện tích đất tự nhiên theo đơn vị hành chính là 34.002,1 ha, có 77,62% là diện tích phủ xanh cây lâu năm, 0,74% là mặt nước, còn lại 21,64% là đất ở, đất sản xuất nông nghiệp và đất chuyên dùng. Nhóm đất nông nghiệp là 27.273,4 ha, chiếm tỷ lệ 80,2%, nhóm đất phi nông nghiệp là 6.728,7 ha, chiếm tỷ lệ 19,8%.

Huyện Bà Rịa gồm 01 thị trấn Lai Uyên và 06 xã: Trù Văn Thố, Cây Trường II, Tân Hưng, Long Nguyên, Hưng Hòa và Lai Hưng. Tính đến năm 2021,



dân số huyện có khoảng 98.461 người, mật độ dân số trung bình khoảng 290 người/km². Dân số nông thôn chiếm 83,5%, dân số thành thị chỉ chiếm 15,5%.

Khí hậu nhiệt đới gió mùa với hai mùa trong năm (mùa mưa và mùa khô). Nhiệt độ trung bình hàng năm đạt 27,7-28,0°C. Chênh lệch nhiệt độ trung bình giữa tháng nóng nhất và tháng lạnh nhất là 3,7°C, thời tiết thuận lợi, ít bị ảnh hưởng bởi thiên tai.

Địa hình bằng phẳng, nền đất cứng, nguồn nước dồi dào phù hợp cho phát triển công nghiệp và nông nghiệp kỹ thuật cao,

Trên địa bàn huyện có một sông lớn là sông Thị Tính, bên cạnh đó còn có mạng lưới kênh rạch, mương đập nằm rải rác phân bố ở các xã, thị trấn. Tuy nhiên, hệ thống sông rạch phân bố không đồng đều, tập trung chủ yếu ở các xã phía nam của huyện. Địa bàn huyện còn có hồ Từ Vân 1, Từ Vân 2 đóng vai trò điều hòa và tiêu thoát nước cho khu vực. Ngoài ra, kênh thủy lợi Phước Hòa đã được xây dựng đi qua địa bàn huyện nhằm cấp nước về hồ Dầu Tiếng, đồng thời cấp nước cho các hoạt động nông nghiệp tại khu vực tuyến kênh này đi qua. Lưu lượng trên sông Thị Tính thuộc địa bàn huyện Bàu Bàng ở thượng nguồn huyện Bàu Bàng là 47,164 (m³/s) và ở hạ nguồn huyện là 50,317 (m³/s). Đối với địa bàn huyện Bàu Bàng, sông Thị Tính vừa là nguồn nước cung cấp cho các hoạt động sản xuất nông nghiệp, vừa là nguồn tiếp nhận nước thải sản xuất, sinh hoạt và nước mưa chảy tràn từ phần lớn diện tích huyện Bàu Bàng,

Ngoài sông Thị Tính trên hệ thống thủy văn của huyện còn bao gồm các con suối chính như: Suối Bến Ván, suối Đồng Sỏi, suối Nhà Mát, suối Bà Tứ và một số suối khác. Nhìn chung, tài nguyên nước mặt của huyện Bàu Bàng không lớn so với các địa phương khác trong tỉnh Bình Dương. Tuy nhiên hệ thống sông suối tương đối đáp ứng được khả năng tiêu thoát nước nhằm phục vụ cho các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn.

3. Tình hình kinh tế-xã hội

Kinh tế – xã hội huyện Bàu Bàng năm 2022 diễn ra trong bối cảnh ảnh hưởng bởi hậu dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona (Covid-19) bùng phát trên phạm vi toàn cầu đã ảnh hưởng đến một phần kinh tế – xã hội của tỉnh Bình Dương cũng như của huyện Bàu Bàng. Tốc độ phát triển kinh tế trên địa bàn đã được phục hồi. Tổng thu ngân sách ước đến cuối năm 2022 đạt 1.498 tỷ 364 triệu đồng.

Cơ cấu kinh tế huyện chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp - thương mại, dịch vụ - nông nghiệp. Công nghiệp ngày càng chiếm vai trò quan trọng trong ngành kinh tế, kéo theo là sự phát triển của ngành dịch vụ để phục vụ cho sự phát triển công nghiệp và đô thị. Tăng trưởng kinh tế của huyện Bàu Bàng trong năm 2022 như sau:

- Tăng trưởng ngành công nghiệp năm 2022 ước đạt 20,15%;

- Tăng trưởng ngành thương mại - dịch vụ năm 2022 ước đạt 24,26%;
- Tăng trưởng ngành nông nghiệp năm 2022 ước đạt 4,3%.

Ngành công nghiệp vẫn chiếm vai trò quan trọng trong ngành kinh tế. Sự phát triển công nghiệp kéo theo là sự phát triển của ngành dịch vụ để phục vụ cho sự phát triển công nghiệp và đô thị.

4. Các tác động chính đến môi trường

a. Tác động từ hoạt động chăn nuôi trên địa bàn huyện

Nước thải từ hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn huyện Bàu Bàng đang thải ra là một nguồn chất thải lớn gây ô nhiễm môi trường, khó kiểm soát. Lưu lượng nước thải chăn nuôi khoảng 6.829 m³/ngày.

Các cơ sở chăn nuôi trên địa bàn huyện phần lớn chỉ xử lý nước thải chăn nuôi bằng biogas, sau đó cho ra hồ chứa để sử dụng nước thải tưới cây trồng, tự thấm ra môi trường tuy nhiên chất lượng nước thải phần lớn không đạt QCVN 62:2016, cột B, đây là một trong những nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước mặt hiện nay trên địa bàn huyện

Khối lượng chất thải rắn của vật nuôi trên địa bàn huyện năm 2022 khoảng 415 tấn/ngày. Chất thải rắn chăn nuôi phát sinh chủ yếu từ quá trình bài tiết; vệ sinh chuồng trại; xác động vật chết và các vật dụng chăn nuôi bị thải bỏ như kim tiêm, bao bì đựng thức ăn, bao bì đựng thuốc. Về thu gom và xử lý phân, trên địa bàn huyện Bàu Bàng hiện nay đa số chất thải trong chăn nuôi như các loại phân bò, heo, dê, gà, người dân thu gom, đóng bao và đem đi bón cho cây trồng hoặc bán cho các hộ dân khác làm phân bón.

b. Tác động từ hoạt động sản xuất công nghiệp

Trên địa bàn huyện Bàu Bàng hiện nay có 03 KCN đang đi vào hoạt động là KCN đô thị Bàu Bàng, KCN Bàu Bàng mở rộng, KCN Tân Bình và khoảng 150 doanh nghiệp hoạt động ngoài KCN.

Tổng lưu lượng nước thải công nghiệp trên địa bàn huyện năm 2022 là khoảng 33.175 m³/ngày, trong đó: nước thải từ các công ty đầu nối về KCN là khoảng 6.799 m³/ngày, nước thải từ các công ty trong KCN có lưu lượng lớn tự xử lý xả thải thẳng ra môi trường không qua HTXLNT của KCN là khoảng 18.070 m³/ngày; từ các cơ sở nằm ngoài KCN khoảng 8.306 m³/ngày (lượng nước thải từ các doanh nghiệp nằm ngoài KCN thấp hơn nhiều so với năm 2021 là 24.908 m³/ngày, do nhiều doanh nghiệp đóng cửa hoặc tạm ngưng hoạt động vì ảnh hưởng từ tình hình dịch bệnh Covid-19). Nước thải công nghiệp phát sinh hiện nay trên địa bàn huyện hầu hết đã được xử lý đạt quy chuẩn, tỷ lệ các KCN có HTXLNT tập trung là 100%, tỷ lệ các nguồn thải lớn trên địa bàn huyện lắp đặt QTTĐ đạt tỷ lệ 100%. Tuy nhiên, vẫn còn tình trạng một số cơ sở sản xuất kinh doanh nằm ngoài KCN xả nước thải không qua xử lý hoặc xử lý không đạt quy chuẩn. Ngoài ra, dù đã được xử lý đạt quy chuẩn quy định nhưng nước thải công nghiệp hiện nay vẫn đóng góp tải lượng ô nhiễm rất lớn đối với môi trường nước mặt trên địa bàn huyện.

Khối lượng chất thải rắn phát sinh từ hoạt động công nghiệp: chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trên địa bàn năm 2022 khoảng 534 tấn/ngày, chất thải rắn nguy hại khoảng 17,3 tấn/ngày, 100% chất thải rắn công nghiệp trên địa bàn huyện đều được thu gom, xử lý đúng quy định.

c. Tác động từ chất thải rắn sinh hoạt

Nguồn phát sinh chất thải sinh hoạt của huyện phát sinh chủ yếu từ các nguồn sau đây: hộ gia đình, khu dân cư; khu vực hành chính; khu công cộng; các hoạt động khác như: nạo vét cống rãnh, quét đường,...Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trên địa bàn huyện trong năm 2022 khoảng 83,35 tấn/ngày. Khối lượng lớn chất thải rắn sinh hoạt phát sinh yêu cầu việc quản lý nguồn thải này phải được đầu tư. Bên cạnh xem xét tỷ lệ thu gom cao, thời gian và tần suất thu gom, phương tiện thu gom cũng cần được chú trọng để tránh các ảnh hưởng đến người dân và môi trường.

II. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường

1. Hiện trạng, diễn biến chất lượng môi trường

❖ Hiện trạng, biến động sử dụng đất

Tổng diện tích tự nhiên trong kỳ thống kê năm 2021 là 34.002,1 ha. Tuy nhiên diện tích các loại đất có sự biến động do chuyển đổi mục đích sử dụng đất, diện tích nhóm đất nông nghiệp giảm do chuyển sang nhóm đất phi nông nghiệp, cụ thể như sau:

- Đất nông nghiệp là 27.273,4 ha, giảm 508,1 ha so với kỳ thống kê đất đai năm 2020.

- Đất phi nông nghiệp là 6.728,7 ha, tăng 508,1 ha so với kỳ thống kê đất đai năm 2020.

❖ Hiện trạng chất lượng môi trường đất

Hiện trạng chất lượng môi trường đất trên địa bàn huyện Bàu Bàng được đánh giá thông qua các kết quả phân tích mẫu đất đại diện của chương trình quan trắc đất tỉnh Bình Dương tại khu công nghiệp Bàu Bàng (ĐCN8) thuộc địa phận thị trấn Lai Uyên. Kết quả phân tích năm 2022 cho thấy các chỉ tiêu quan trọng như độ ẩm, pH_{KCl} , pH_{H_2O} , các kim loại nặng đều nằm trong ngưỡng quy chuẩn cho phép.

Nhìn chung, trong năm 2022, chất lượng đất tại vùng chịu nhiều ảnh hưởng của hoạt động công nghiệp trên địa bàn huyện Bàu Bàng còn rất tốt, không có dấu hiệu ô nhiễm hay suy thoái đất. Huyện Bàu Bàng cần tiếp tục duy trì và phát huy các biện pháp quản lý, bảo vệ môi trường đất trong giai đoạn tiếp theo.

❖ Hiện trạng chất lượng môi trường nước mặt

Các sông suối trên địa bàn huyện Bàu Bàng là hệ thống sông suối nằm tại khu vực thượng nguồn của tỉnh Bình Dương, chất lượng nước mặt trên địa bàn

huyện sẽ góp phần gây ảnh hưởng lớn đến chất lượng nước mặt của các sông suối chính trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Qua kết quả quan trắc nước mặt các sông suối chính trên địa bàn huyện Bàu Bàng giai đoạn 2018-2022 nhìn chung chất lượng nước mặt trên địa bàn huyện được cải thiện qua từng năm và chất lượng nước mặt các sông suối phần lớn nằm ở mức tốt trong năm 2022. Ngoài ra, qua theo dõi diễn biến chất lượng nước mặt của các sông suối chính trên địa bàn huyện cho thấy, nước mặt bị ảnh hưởng bởi chỉ tiêu tổng Fe vào mùa mưa, nồng độ sắt tăng cao trong nước mặt vào đầu mùa mưa và giảm vào cuối mùa mưa, vào mùa khô chỉ tiêu tổng Fe không vượt so với quy chuẩn. Nguyên nhân có thể do bị ảnh hưởng ô nhiễm nồng độ sắt từ bề mặt, rửa trôi khi trời mưa gây ảnh hưởng nguồn nước mặt.

Trong năm 2022, các suối điển hình bị ô nhiễm trên địa bàn huyện trong các năm trước như suối Bến Ván, suối Bà Lãng,... chất lượng nước đều được cải thiện, với chất lượng nước ở mức tốt đạt mục đích sinh hoạt nhưng cần có biện pháp xử lý, đây là tín hiệu tích cực cho thấy các biện pháp kiểm tra, quản lý, giảm thiểu ô nhiễm nước mặt trên địa bàn huyện đang mang lại nhiều hiệu quả. Ngoài ra, một phần do ảnh hưởng của hậu dịch bệnh Covid-19 đến hoạt động kinh doanh các doanh nghiệp trên địa bàn huyện tạm ngưng hoạt động, nên giảm lượng nước thải công nghiệp vào nguồn nước mặt.

❖ Hiện trạng chất lượng môi trường trầm tích

Đánh giá chất lượng trầm tích đáy của các sông suối chính trên địa bàn huyện thông qua việc khảo sát, thu thập và phân tích mẫu của các sông suối chính trên địa bàn huyện gồm: Sông Thị Tính tại cầu An Lập đoạn qua xã Long Nguyên, suối Bà Tứ, suối Tràm, suối Bến Ván, suối Đồng Sổ với 5 điểm quan trắc trầm tích đáy.

Kết quả quan trắc trầm tích đáy tại sông Thị Tính tại cầu An Lập, suối Bến Ván, suối Đồng Sổ, suối Tràm, suối Bà Tứ cho thấy: hàm lượng các kim loại nặng trong trầm tích đáy tại các vị trí lấy mẫu đều đạt so với quy chuẩn QCVN 43:2017/BTNMT. Qua kết quả quan trắc cho thấy chất lượng trầm tích đáy trên địa bàn huyện chưa có dấu hiệu ô nhiễm, chất lượng trầm tích đáy không bị suy giảm.

❖ Hiện trạng môi trường không khí và tiếng ồn

Kết quả quan trắc chất lượng môi trường không khí trên địa bàn huyện Bàu Bàng với các điểm đại diện cho môi trường không khí xung quanh chịu tác động của các hoạt động sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, đô thị, giao thông vận tải, khai thác khoáng sản và tập kết rác thải cho thấy diễn biến chất lượng không khí còn khá tốt, các chỉ tiêu như bụi, CO, SO₂, NO₂ đều nằm trong ngưỡng cho phép của quy chuẩn QCVN 05:2013/BTNMT và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2016/BTNMT.

❖ Hiện trạng môi trường nước dưới đất

Đối với kết quả phân tích chất lượng nước dưới đất trong năm 2022, các chỉ tiêu Amoni, Coliform và Florua đều không phát hiện thấy hoặc nồng độ ngoài giới hạn phân tích. Các chỉ tiêu còn lại như sunphate, nitrat, sắt,...có kết quả nồng độ thấp hoặc rất thấp. Riêng đối với chỉ tiêu pH một vài thời điểm nằm ngoài khoảng pH quy định. Tuy nhiên, đặc tính pH thấp là đặc trưng của pH khu vực Đông Nam Bộ nói chung.

Nồng độ sắt: kết quả quan trắc chỉ tiêu sắt tăng nhẹ vào mùa khô và giảm vào mùa mưa. Nhìn chung, nồng độ sắt trong nước dưới đất trên địa bàn huyện đạt so với QCVN 09-MT:2015/BTNMT và diễn biến ổn định không biến động nhiều..

Qua quá trình khảo sát, lấy mẫu nước dưới đất trong năm 2022 trên địa bàn huyện Bàu Bàng không ghi nhận tình trạng ô nhiễm nước ngầm. Chất lượng nước ngầm trên địa bàn còn tương đối tốt và ổn định.

❖ **Hiện trạng di sản thiên nhiên và đa dạng sinh học**

Các hệ sinh thái đặc trưng trên địa bàn huyện gồm hệ sinh thái rừng, hệ sinh thái nông nghiệp, hệ sinh thái đô thị, hệ sinh thái các thủy vực bao gồm ao, hồ, sông, suối, kênh, rạch.

- Diện tích rừng trên địa bàn huyện Bàu Bàng trong năm 2021 là 192,43 ha (rừng đặc dụng), diện tích rừng chiếm 0,6% tổng diện tích tự nhiên.

2. Tình hình và kết quả thực hiện công tác bảo vệ môi trường

2.1. Ban hành các văn bản hướng dẫn, quy chế, quy ước, hương ước về bảo vệ môi trường

Năm 2022, UBND huyện đã ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện công tác bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

a. Kế hoạch

- Kế hoạch bảo vệ môi trường huyện Bàu Bàng giai đoạn 2022-2025 tại Quyết định số 1449/QĐ-UBND ngày 23 tháng 5 năm 2022.

- Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2022 của UBND huyện về Kế hoạch tổ chức các hoạt động truyền thông hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới 05/6/2022.

- Kế hoạch số 132/KH-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2022 của UBND huyện về việc tổ chức các hoạt động hưởng ứng Chiến dịch Làm cho thế giới sạch hơn năm 2022.

- Kế hoạch số 167/KH-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2022 về việc triển khai thực hiện Đề án “Công tác dân vận tham gia xây dựng nếp sống văn hóa-văn minh” trên địa bàn huyện Bàu Bàng giai đoạn 2021-2025 trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

b. Các văn bản

- Công văn số 1869/UBND-KT ngày 21/4/2022 về việc thực hiện các hướng dẫn của Sở Tài nguyên và Môi trường về công tác bảo vệ môi trường.

- Công văn số 1869/UBND-KT ngày 20/6/2022 về việc thực hiện Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Công văn số 2259/UBND-KT ngày 22/7/2022 về việc triển khai thực hiện Nghị định số 45/2022/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

- Công văn số 3273/UBND-KT ngày 20/10/2022 về việc phối hợp tuyên truyền công tác bảo vệ môi trường.

- Công văn số 2332/UBND-KT ngày 29/7/2022 về việc tiếp tục triển khai thực hiện Luật bảo vệ môi trường.

- Công văn số 2849/UBND-KT ngày 13/9/2022 về việc triển khai công tác bảo vệ môi trường nông thôn theo Luật bảo vệ môi trường.

2.2. Tổ chức thực hiện các quy định pháp luật, kết quả thanh tra, kiểm tra, thủ tục hành chính về bảo vệ môi trường¹

- Tổ chức thực hiện các quy định pháp luật: thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường của Ủy ban nhân dân cấp huyện theo Điều 168 Luật Bảo vệ môi trường, Ủy ban nhân dân huyện đã thực hiện nhiệm vụ: Lập cáo cáo công tác bảo vệ môi trường huyện Bàu Bàng năm 2022 theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; đầu thầu thực hiện dịch vụ công ích thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện; thu phí bảo vệ môi trường nước thải công nghiệp năm 2022 với tổng số tiền thu được là 516 triệu đồng.

- Kết quả kiểm tra: triển khai thực hiện kiểm tra công tác bảo vệ môi trường, đất đai và tài nguyên nước đối với các tổ chức, cá nhân trên địa bàn huyện theo quyết định phê duyệt danh sách kiểm tra của Ủy ban nhân dân huyện năm 2022, đã tham mưu xử lý vi phạm hành chính 13 trường hợp với tổng số tiền 688.000.000 đồng.

Việc kiểm tra, xử lý vi phạm trong lĩnh vực bảo vệ môi trường là nhiệm vụ thường xuyên luôn được huyện triển khai thực hiện hàng năm, các trường hợp vi phạm, gây ô nhiễm môi trường đều được xử lý nghiêm, đúng quy định, góp phần từng bước nâng cao ý thức cho doanh nghiệp, cộng đồng, thể hiện trách nhiệm chung đối với môi trường sống.

- Kết quả giải quyết thủ tục hành chính: đã tiếp nhận 09 hồ sơ đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường, 18 hồ sơ đề xuất cấp phép môi trường. Đã giải quyết 09

¹ Số liệu 9 tháng đầu năm 2022

hồ sơ đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường, 14/18 hồ sơ cấp phép môi trường (chủ đầu tư rút 02 hồ sơ, 02 hồ sơ không đủ điều kiện thẩm định).

2.3. Tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ môi trường

Hoạt động tuyên truyền giáo dục về bảo vệ môi trường luôn được huyện quan tâm chỉ đạo triển khai thực hiện với nhiều nội dung phong phú và đa dạng hình thức, cụ thể như: tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; Nghị quyết của Tỉnh ủy, Quyết định của UBND tỉnh; Nghị quyết của Đảng bộ huyện về bảo vệ môi trường; tuyên truyền về bảo vệ môi trường ứng phó với biến đổi khí hậu, tuyên truyền về hạn chế sử dụng hóa chất bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp; thu gom và chuyển giao xử lý các loại bao bì chứa hóa chất sau khi sử dụng; nâng cao ý thức giảm rác thải nhựa, phân loại rác tại nguồn; Tuyên truyền các quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường như: hành vi vi phạm các quy định về tiếng ồn, vi phạm các quy định về phân loại, thu gom, vận chuyển, chôn, lấp, đổ, đốt, xử lý chất thải rắn thông thường...

Trong năm 2022, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện đã phối hợp các đoàn thể huyện, ủy ban nhân dân các xã, thị trấn thực hiện các Nghị quyết liên tịch về bảo vệ môi trường, quản lý, sử dụng tài nguyên và ứng phó với biến đổi khí hậu với những hình thức như: tập huấn nâng cao kiến thức về bảo vệ môi trường; xây dựng chuyên mục tài nguyên và môi trường trong kế hoạch phát thanh của Đài truyền thanh huyện; tổ chức ngày hội môi trường, chương trình đổi rác thải lấy quà tặng; phát động quét dọn, thu gom rác thải tại các khu dân cư, tại các tuyến đường giao thông, khai thông dòng chảy, phát hoang bụi rậm, vệ sinh môi trường; treo băng ron, pa nô tuyên truyền về bảo vệ môi trường trong thời gian phát động hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới 5/6, Tuần lễ nước sạch và vệ sinh môi trường, Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn...

2.4. Kiểm soát nguồn ô nhiễm

a. Kiểm soát nguồn ô nhiễm từ nước thải đô thị, khu nông thôn, khu nhà ở tập trung

Trên địa bàn huyện Bàu Bàng có 7 xã, thị trấn, trong đó có 1 thị trấn thuộc khu đô thị tập trung là thị trấn Lai Uyên với tổng dân số là 16.272 người; 06 xã có khu dân cư nông thôn tập trung là xã Lai Hưng, Hưng Hòa, Tân Hưng, Long Nguyên, Trù Văn Thố và Cây Trường II với tổng dân số 82.189 người.

Các hoạt động phục vụ cho người dân trên địa bàn huyện bao gồm: hoạt động thương mại - dịch vụ, du lịch, khu vui chơi giải trí công cộng (chợ, nhà hàng, khách sạn...), hoạt động đơn vị sự nghiệp (trường học, ngân hàng, cơ quan nhà nước...), hoạt động sinh hoạt (ăn, uống, tắm, giặt...). Với sự gia tăng dân số, mức sống và nhu cầu dùng nước tăng, lượng nước thải sinh hoạt trên địa bàn huyện nhìn chung tăng không ngừng trong suốt giai đoạn 2018 – 2022.

Tổng lượng nước thải sinh hoạt năm 2022 là khoảng 10.660 m³/ngày.đêm.

Tỷ lệ thu gom, xử lý nước thải đô thị, nước thải nông thôn:

- Trên địa bàn huyện chưa có nhà máy xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, phần lớn nước thải sinh hoạt chỉ xử lý sơ bộ qua bể tự hoại để xử lý sơ bộ và thoát ra môi trường nước mặt lân cận hoặc tự thấm.

- 100% các dự án KDC tập trung đã được đầu tư hệ thống XLNT trước khi đi vào hoạt động chính thức, hoặc đầu nối về HTXLNT tập trung của KCN đô thị Bàu Bàng, cụ thể các KDC trên địa bàn huyện Bàu Bàng hiện nay, như sau:

+ Thị trấn Lai Uyên: các KDC Huỳnh Gia Phát, Đức Phát 3 (chưa có dân cư sinh sống), Đức Phát A + B (mới chỉ có 01 hộ dân), KDC 5A, 5B, 5C, 5D, 5E, 5F, KDC Đồng Sở và khu dân cư thuộc KCN đô thị Bàu Bàng.

+ Xã Long Nguyên: các KDC ấp Bến Sắn (đang hoạt động), các KDC Tài Lộc, Lộc Phát, Nam Long 3, Saigon Land 2, hiện chưa có dân sinh sống.

+ Xã Trù Văn Thố: các KDC Nam Long 2, Đất Thành, Rạng Đông, Bàu Bàng New Land, Thuận Phát Land, Thăng Long.

+ Xã Lai Hưng: KDC Nam Long, khu tái định cư Lai Hưng.

b. Kiểm soát nguồn ô nhiễm từ nước thải nước thải công nghiệp

Tổng lưu lượng nước thải công nghiệp trên địa bàn huyện năm 2022 là khoảng 33.175 m³/ngày, trong đó: nước thải từ các KCN là 24.869 m³/ngày; từ các cơ sở nằm ngoài KCN khoảng 8.306 m³/ngày.

Nước thải công nghiệp trên địa bàn huyện chủ yếu phát sinh từ 03 KCN, các cơ sở sản xuất, chế biến cao su, giấy,... và nước thải sinh hoạt của công nhân. Theo rà soát thống kê thì hiện nay trên địa bàn huyện Bàu Bàng có 17 doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý cấp tỉnh; 182 doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của cấp huyện (101 doanh nghiệp có đầy đủ thông tin).

Hiện nay, các KCN đi vào hoạt động đều xây dựng hệ thống xử lý nước thải. Tổng công suất thiết kế hệ thống xử lý nước thải khu công nghiệp là 22.500 m³/ngày, lưu lượng nước thải phát sinh từ các KCN trên địa bàn huyện Bàu Bàng khoảng 6.799 m³/ngày (không bao gồm một số doanh nghiệp trong khu công nghiệp xả thải trực tiếp). Bên cạnh đó, trong KCN có một số doanh nghiệp có lưu lượng nước thải lớn được miễn trừ đầu nối đã xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn xả thải QCVN 40: 2011/BTNMT, cột A và thải thẳng ra môi trường như: Kyung Bang, Huge BamBo, Far Eastern, Delicacy,... với lưu lượng nước thải phát sinh khoảng 18.070 m³/ngày.

Đối với các doanh nghiệp nằm ngoài KCN, trên địa bàn huyện có khoảng 150 cơ sở sản xuất. Tổng lưu lượng nước thải công nghiệp phát sinh ngoài KCN hiện nay khoảng 8.306 m³/ngày đêm (thấp hơn so với năm 2021, do ảnh hưởng từ tình hình dịch bệnh hậu Covid-19, nhiều doanh nghiệp đóng cửa hoặc tạm ngưng hoạt động) bao gồm các nguồn thải lớn của các ngành như sơ chế cao su thiên nhiên (Hiệp Thành, Nhật Nam, Mardec), sản xuất giấy (Vĩnh Phú),....



Nhìn chung, các nguồn thải lớn trên địa bàn huyện hiện nay đều được kiểm soát và quản lý.

- Tỷ lệ các Khu công nghiệp trên địa bàn huyện có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định là 100%; tỷ lệ các KCN có trạm quan trắc tự động, liên tục, truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định là 100%.

- Hiện nay, các doanh nghiệp nằm ngoài KCN có lưu lượng xả thải lớn và các doanh nghiệp nằm trong KCN nhưng xả thải thẳng không qua HTXLNT của KCN, thuộc đối tượng phải thực hiện lắp đặt trạm quan trắc tự động, liên tục, truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định đã thực hiện lắp đặt đạt tỷ lệ 100%.

Các KCN cũng như doanh nghiệp trên địa bàn huyện hiện nay phải vận hành hệ thống xử lý nước thải đảm bảo nước thải sản xuất đạt quy chuẩn nước thải QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) trước khi thải ra nguồn tiếp nhận. Hệ thống sông suối tiếp nhận trên địa bàn huyện có lưu lượng tương đối nhỏ. Lượng nước thải công nghiệp và tải lượng các chất ô nhiễm gia tăng tạo thêm sức ép lên khả năng tự làm sạch của hệ thống sông suối vốn hạn chế.

c. Kiểm soát nguồn ô nhiễm nước thải phát sinh từ nông nghiệp

❖ Chăn nuôi

Lưu lượng nước thải chăn nuôi trong năm 2022 khoảng 6.829 m³/ngày. Nước thải từ hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn huyện Bàu Bàng đang thải ra là một nguồn chất thải lớn gây ô nhiễm môi trường, khó kiểm soát.

Hiện nay, số hộ chăn nuôi tập trung chủ yếu tại khu vực ba xã Trừ Văn Thố, xã Cây Trường II, Long Nguyên và thị trấn Lai Uyên. Đây là nguồn phát thải nước thải chăn nuôi thải vào lưu vực suối Đồng Sở, Bà Lãng, Bến Ván, hồ Từ Vân. Các cơ sở chăn nuôi trên địa bàn huyện phần lớn chỉ xử lý nước thải chăn nuôi bằng biogas, sau đó cho ra hồ chứa có chống thấm để sử dụng nước thải tưới cây trồng. Theo thống kê có 97% cơ sở chăn nuôi có nước thải sau xử lý được lưu chứa tại hồ chứa cho tự thấm và tận dụng để tưới cây, tuy nhiên chất lượng nước thải không đạt QCVN 62-MT:2016.BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi, cột B.

Trong những năm qua, công tác kiểm tra công tác bảo vệ môi trường của các hộ chăn nuôi trên địa bàn huyện được phối hợp thực hiện và quản lý chặt chẽ. Trong năm 2022, công tác kiểm tra, xử lý các hộ chăn nuôi đạt hiệu quả cao, tỷ lệ đạt 100% so với kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, vẫn còn phần lớn các hộ chăn nuôi gia súc, gia cầm nhỏ lẻ trên địa bàn các xã, thị trấn chưa được đầu tư xây dựng hệ thống thu gom nước thải và hầm biogas.

❖ Trồng trọt

Ngành sản xuất trồng trọt tập trung ở các xã/thị trấn như: xã Cây Trường II, xã Trừ Văn Thố, xã Long Nguyên... Lượng phân bón sử dụng khoảng 5.653

tấn/năm, lượng thuốc trừ sâu sử dụng khoảng 0,56 tấn/năm. Chất thải rắn phát sinh từ sản xuất trồng trọt bao gồm: vỏ thuốc trừ sâu, bao bì đựng phân bón,... Khối lượng chất thải rắn phát sinh khoảng 0,2 tấn/năm.

Hiện nay, công tác thu gom chất thải này đạt tỷ lệ thu gom 100%. Tại các xã/thị trấn đều được bố trí kho chứa bao bì thuốc bảo vệ thực vật và được quản lý, kiểm soát chặt chẽ.

d. Kiểm soát, giảm thiểu khí thải công nghiệp

Trong những năm qua, huyện Bàu Bàng đã phối hợp chặt chẽ với các đơn vị Sở, ban ngành chuyên môn thường xuyên thanh, kiểm tra các doanh nghiệp có nguồn phát sinh lớn có khả năng gây ô nhiễm môi trường nhằm khắc phục, giảm thiểu khí thải công nghiệp gây ảnh hưởng đến người dân sinh sống trong khu vực. Hiện nay, các doanh nghiệp, cơ sở trong và ngoài KCN đã xây dựng các công trình bảo vệ môi trường và được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước khi đi vào hoạt động sản xuất chiếm 100%.

Đối với các nhóm ngành nghề sản xuất có sử dụng lò hơi phục vụ cho hoạt động sản xuất, các doanh nghiệp đã chủ động lắp đặt hệ thống xử lý khí thải lò hơi trước khi thải ra môi trường làm giảm khả năng phát tán khí thải gây ô nhiễm không khí trong khu vực.

Bên cạnh đó, trên địa bàn tỉnh Bình Dương đã có 39 trạm quan trắc khí thải tự động đã được lắp đặt, truyền dữ liệu về trạm điều hành Trung tâm Quan trắc – Kỹ thuật Tài nguyên và môi trường. Trong đó, tại huyện Bàu Bàng có 5 công ty đã lắp đặt hệ thống quan trắc khí thải tự động theo đúng quy định của Luật bảo vệ môi trường với 12 trạm quan trắc là Công ty TNHH Polytex Far Eastern Việt Nam (2 trạm), Công ty TNHH Công Nghiệp Delicacy Việt Nam (3 trạm), Công ty TNHH Paihong VN (5 trạm), Công ty TNHH CN dệt Huge Bambo (1 trạm) và Công ty TNHH Dệt Đại Hào (1 trạm). Tuy nhiên, theo báo cáo Kết quả quan trắc tự động tính đến tháng 11 năm 2022, tại trạm quan trắc khí thải tự động của Công ty TNHH Công Nghiệp Delicacy Việt Nam (lò cấp nhiệt 1 đốt than và lò hơi đốt than) ghi nhận được kết quả một số chỉ tiêu bụi, NO_x, SO₂ vượt quy chuẩn cho phép <2 lần tỷ lệ vượt từ 4-12%; Công ty TNHH CN dệt Huge Bambo ghi nhận được kết quả một số chỉ tiêu bụi, CO vượt quy chuẩn cho phép <2 lần tỷ lệ vượt từ 5-28%; Công ty TNHH Paihong VN (lò 25 tấn hơi) ghi nhận được kết quả chỉ tiêu bụi vượt quy chuẩn cho phép <2 lần tỷ lệ vượt từ 4-8%; Công ty TNHH Polytex Far Eastern Việt Nam (lò dầu và lò hơi đốt than) ghi nhận được kết quả một số chỉ tiêu CO, SO₂ vượt quy chuẩn cho phép <2 lần tỷ lệ vượt từ 1,2-1,6%. Không có trạm nào vượt quy chuẩn >2 lần.

2.5. Quản lý chất thải và phế liệu

2.5.1. Quản lý chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH)

Năm 2022, tỷ lệ thu gom chất thải sinh hoạt trên địa bàn huyện đạt khoảng 94%. Từ đầu năm 2021, áp dụng mô hình thu gom, vận chuyển mới (theo Kế hoạch Kiến toàn hệ thống thu gom, vận chuyển chất thải rắn trên địa bàn huyện

Bàu Bàng giai đoạn 2020- 2025 được UBND huyện ban hành kèm theo Quyết định số 56/KH-UBND ngày 10/4/2020), huyện đã triển khai mô hình mới trên 7/7 xã, thị trấn. Kết quả cho thấy tỷ lệ thu gom tăng từ 72% năm 2020 lên 94% năm 2022 góp phần cải thiện rõ rệt tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện, đảm bảo vệ sinh môi trường, mỹ quan đô thị và ý thức người dân được nâng cao rõ rệt.

Nguồn phát sinh chất thải sinh hoạt của huyện phát sinh chủ yếu từ các nguồn sau đây: hộ gia đình, khu dân cư; khu vực hành chính; khu công cộng; các hoạt động khác như: nạo vét cống rãnh, quét đường,... Tổng khối lượng phát sinh trung bình khoảng 83,3 tấn/ngày, chiếm tỷ lệ khoảng 3,8% lượng chất thải rắn sinh hoạt trên toàn tỉnh.

Đến nay, 7/7 xã, thị trấn đều thực hiện mô hình xã hội hóa hoạt động thu gom rác từ nhà dân đến các điểm tập kết rác và được vận chuyển về Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nam Bình Dương xử lý.

Hiện nay, trên địa bàn huyện Bàu Bàng có 09 điểm tập kết rác phân bố trên từng xã, thị trấn. Trong đó: 07 điểm đã đi vào hoạt động, trừ xã Lai Hưng do khó khăn về đường giao thông vận chuyển chất thải tại vị trí dự kiến bố trí điểm tập kết nên đơn vị thu gom chưa đến được và thị trấn Lai Uyên vừa hoàn thành xây dựng điểm tập kết chất thải dự kiến đưa vào hoạt động năm 2023.

Các phương tiện vận chuyển chất thải sinh hoạt trên địa bàn huyện phần lớn đều sử dụng các xe kín, xe cải tiến, nhằm hạn chế phát tán mùi và nước thải gây ô nhiễm môi trường. Đối với các địa điểm phát sinh từ các khu vực đường nhỏ, mật độ dân cư thưa, rác thải sinh hoạt được thu gom bằng các xe ba gác máy, xe nhỏ về địa điểm tập kết sau đó xe ép rác sẽ vận chuyển về Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nam Bình Dương. Chi phí vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt được sử dụng từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường phân bổ hàng năm cho huyện, trong đó chi phí chi trả cho các Đội vệ sinh thu gom rác từ các hộ dân đến điểm tập kết thực hiện theo Quyết định số 64/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh, chi phí xử lý thực hiện theo Quyết định số 2881/QĐ-UBND ngày 19/10/2017 của UBND tỉnh.

Chất thải sinh hoạt nông thôn trên địa bàn huyện chủ yếu phát sinh từ các hộ gia đình, chợ, trường học ở khu vực nông thôn, chủ yếu bao gồm thành phần hữu cơ dễ phân hủy (thực phẩm thải, chất thải vườn) với độ ẩm thường trên 60%, chất thải vô cơ và túi nylon. Việc phân loại chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH) nông thôn chủ yếu được tiến hành tự phát tại hộ gia đình đối với một số loại chất thải như giấy, bìa carton, kim loại (để bán), chất thải hữu cơ (sử dụng cho chăn nuôi). Các thành phần khác thì hầu hết không được phân loại mà để lẫn, bao gồm các thành phần có thể phân hủy và khó phân hủy như túi nylon, thủy tinh, cành cây... Tại các khu vực ngoài trung tâm các xã, tỷ lệ thu gom, xử lý CTRSH chưa cao, phần chưa thu gom được chủ yếu phát sinh từ các hộ dân có hoạt động nông nghiệp nên được tận dụng chôn lấp hoặc đốt. Mặc dù để khuyến khích các hộ dân tại nông thôn chuyển giao rác thải cho các đơn vị thu gom, vận chuyển theo quy định, huyện cũng đã áp dụng mức giá dịch vụ thu gom, vận chuyển thấp hơn đối với

khu vực đô thị theo QĐ 64/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh. Tuy nhiên, với mức giá hiện thu và mật độ dân cư thưa thớt nên việc thu gom rác tại các xã nông thôn của huyện không đủ bù chi, dẫn đến chính sách xã hội hóa nông thôn thường gặp khó khăn.

Trên địa bàn huyện Bàu Bàng hiện nay không có cơ sở xử lý CTRSH; khu/bãi chôn lấp CTRSH, khu xử lý CTR tập trung; toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt thu gom được chuyển giao cho Công ty Cấp thoát nước và Môi trường Bình Dương vận chuyển đến Khu liên hợp xử lý CTR Nam Bình Dương để xử lý. Ngoài ra, một phần nhỏ CTRSH trên địa bàn chưa được thu gom hoàn toàn, do đặc thù của huyện vẫn còn nhiều xã nông thôn, chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, tuyến thu gom không có, chi phí thu gom xử lý tương đối cao do lộ trình thu gom không thuận tiện nên người dân thường tự xử lý bằng chôn lấp trong vườn cây, đốt, làm tro bón cây như là thành phần hữu cơ cho cây trồng.

Để giải quyết vấn đề này, thời gian qua huyện đã tăng cường công tác tuyên truyền đến các hộ dân về bảo vệ môi trường thực hiện thu gom, bỏ rác đúng nơi quy định; đồng thời để giải quyết các bãi rác phát sinh tại các khu vực đất trống thì hàng năm các xã, thị trấn đều tổ chức phát động ra quân quét dọn, vệ sinh để xử lý, không gây ô nhiễm môi trường.

2.5.2. Quản lý chất thải rắn công nghiệp thông thường (CTRCNTT)

a. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

Ngành công nghiệp trên địa bàn huyện phát triển rất đa dạng và phân bố đều khắp trên các ngành khai thác khoáng sản, chế biến nông sản, hàng tiêu dùng, chế biến lâm sản, cơ khí chính xác... đến các ngành công nghệ cao như điện, điện tử... Mỗi nhóm ngành có nhu cầu nguyên liệu khác nhau, dòng chất thải, loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh rất đa dạng. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp phát sinh trên địa bàn năm 2022 khoảng 534 tấn/ngày chiếm tỷ lệ khoảng 19 % lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh trên địa bàn tỉnh.

Đối với các chất thải công nghiệp thuộc nhóm có thể tái chế, tái sử dụng thì phần lớn do 381 cơ sở kinh doanh phế liệu trên địa bàn tỉnh (trong đó huyện Bàu Bàng có 35 cơ sở theo thống kê đến 31/12/2021) đến thu gom thông qua thỏa thuận với các doanh nghiệp; đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường phải xử lý thì chủ nguồn thải sẽ hợp đồng với các đơn vị đủ điều kiện thu gom chất thải công nghiệp thông thường trong và ngoài tỉnh thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định tại NĐ 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và TT 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Tuy nhiên qua công tác thanh kiểm tra cho thấy vẫn còn một số doanh nghiệp còn nhiều vi phạm về quản lý chất thải rắn công nghiệp như: chưa phân loại, lưu chứa chất thải theo quy định, chất thải công nghiệp thông thường vẫn còn để lẫn vào chất thải nguy hại.

Định kỳ hàng năm, các doanh nghiệp thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường trong đó thống kê khối lượng chất thải phát sinh, thu gom, xử lý gửi về cơ

quan quản lý trực tiếp để kiểm soát, giảm thiểu chất thải rắn công nghiệp.

Theo thống kê chưa đầy đủ thì tỷ lệ chất thải rắn công nghiệp không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý và tái chế khoảng 95% (tái chế khoảng 80% và xử lý khoảng 15%)

b. Chất thải từ hoạt động nông nghiệp, chăn nuôi

Hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn huyện thời gian qua tăng trưởng liên tục với các trang trại tập trung ngày càng mở rộng về quy mô và diện tích; theo thống kê, tổng hợp chất thải rắn phát sinh từ hoạt động chăn nuôi trên địa bàn huyện hiện nay đang ước tính khoảng 415 tấn/ngày. Hiện nay, chất thải trong chăn nuôi gia súc, gia cầm được người dân thu gom, đóng bao và đem đi bón cây cho cây công nghiệp hoặc chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, tái chế làm phân compost. Bên cạnh đó còn phát sinh một số phụ phẩm nông nghiệp... được người dân thu gom bán hoặc tái sử dụng làm phân bón hữu cơ cho cây trồng. Đối với các vật nuôi chết không do dịch bệnh thường được chôn lấp hợp vệ sinh tại chỗ hoặc chế biến làm thức ăn cho các vật nuôi khác. Đối với các loại bao bì phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y ước tính phát sinh khoảng 3 tấn/năm được ngành nông nghiệp hướng dẫn người dân thu gom, lưu chứa tại các điểm bố trí tập trung trong trang trại hay trên khu vực canh tác, định kỳ hàng tháng Chi nhánh Xí nghiệp xử lý chất thải thuộc Công ty Cổ phần Nước – Môi trường Bình Dương đến thu gom, vận chuyển về Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nam Bình Dương xử lý đúng quy định.

Tỷ lệ chất thải rắn chăn nuôi được thu gom, sử dụng > 95% hộ thu gom, sử dụng; còn lại khoảng 5% là chưa được thu gom do các hộ dân nuôi nhỏ lẻ gia đình (trâu, bò thả rong).

2.5.3. Quản lý chất thải nguy hại (CTNH)

- Chất thải công nghiệp nguy hại: trong năm 2022, CTNH từ hoạt động công nghiệp phát sinh khoảng 17,3 tấn/ngày; 100% chất thải nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom, xử lý đúng quy định. Trên địa bàn huyện Bàu Bàng hiện nay không có cơ sở xử lý chất thải nguy hại. Theo số liệu thống kê cho thấy hiện nay tại Bình Dương có 07 doanh nghiệp xã hội hóa xử lý chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp thông thường với tổng công suất xử lý theo quyết định do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép là 268.710.600 tấn/năm; đồng thời chất thải nguy hại phát sinh từ các chủ nguồn thải còn được thu gom bởi các đơn vị có giấy phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại đóng trên địa bàn một số tỉnh, thành lân cận như thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Phước, Long An, Bà Rịa Vũng Tàu. Thông qua đội ngũ thu gom, vận chuyển và xử lý này thì hiện nay 100% chất thải rắn công nghiệp, nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom, xử lý đúng quy định.

- Chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh từ hoạt động chăn nuôi: Vỏ chai, lọ đựng kháng sinh và các loại thuốc sau khi sử dụng hoặc hết hạn; bóng đèn huỳnh quang, nhót thải và đặc biệt là xác heo bị bệnh, đây là chất thải đặc biệt của ngành

chăn nuôi. Các cơ sở chăn nuôi chưa có khu vực chứa chất thải nguy hại chiếm 97,6%. Đối với các cơ sở chăn nuôi gia công, các loại chất thải nguy hại này được thu gom và trả lại cho nhà cung cấp, 100% các cơ sở chăn nuôi tự túc đều thu gom chung với rác sinh hoạt. Một số chất thải nguy hại khác như bóng đèn huỳnh quang, pin còn để lẫn và thu gom cùng chất thải sinh hoạt.

- Chất thải y tế nguy hại: chất thải y tế chỉ chiếm 0,01% trong tổng lượng chất thải rắn phát sinh trên địa bàn huyện. Hiện nay, công tác thu gom chất thải rắn y tế trên địa bàn huyện Bàu Bàng đang được thực hiện nghiêm túc, quản lý chặt chẽ, tỷ lệ thu gom chất thải rắn y tế đạt 100%, chất thải y tế được phân loại và quản lý ngay tại nguồn phát sinh. Chất thải rắn y tế sau khi được thu gom sẽ được vận chuyển về Khu liên hợp xử lý CTR Nam Bình Dương để xử lý theo quy định.

2.5.4. Quản lý phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất

Trên địa bàn huyện Bàu Bàng hiện nay không có cơ sở sản xuất nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất.

Theo thống kê đến tháng 12 năm 2021 trên địa bàn huyện có 55 cơ sở kinh doanh phế liệu.

2.6. Xử lý ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường

- **Quản lý, cải thiện chất lượng môi trường nước:** đã cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước theo danh mục các sông suối trên địa bàn phải cấm mốc; thường xuyên kiểm tra, xử lý các doanh nghiệp vi phạm xả nước thải vào nguồn nước; các khu dân cư phải đảm bảo phải hoàn thiện hạ tầng (HTXLNT) trước khi đi vào hoạt động; các Khu công nghiệp trên địa bàn huyện có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định là 100%; Tỷ lệ các KCN có trạm quan trắc tự động, liên tục, truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định là 100%; Tỷ lệ các doanh nghiệp nằm ngoài KCN có lưu lượng xả thải lớn và nằm trong KCN nhưng xả thải thẳng không qua HTXLNT của KCN, thuộc đối tượng phải thực hiện lắp đặt trạm quan trắc tự động, liên tục, truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định đã thực hiện lắp đặt đạt 100%.

- **Quản lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi môi trường đất:** Kiểm soát chặt chẽ việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất, đặc biệt là đất rừng, mặt nước.

- Quản lý, cải thiện chất lượng không khí:

+ Các nguồn xả khí thải lớn trên địa bàn huyện đã được lắp đặt hệ thống quan trắc tự động khí thải đúng quy định của Luật bảo vệ môi trường với 12 trạm quan trắc tại 5 công ty gồm: Công Ty TNHH Polytex Far Eastern Việt Nam (2 trạm), Công ty TNHH Công Nghiệp Delicacy Việt Nam (3 trạm), Công ty TNHH Paihong VN (5 trạm, trong đó có 1 trạm chưa xả thải), Công ty TNHH CN dệt Huge Bambo (1 trạm) và Công ty TNHH Dệt Đại Hào (1 trạm). Như vậy, các nguồn khí thải lớn trên địa bàn huyện hiện nay đang được theo dõi, giám sát trước khi thải ra môi trường.

+ Cải thiện chất lượng không khí bằng cách tăng tỷ lệ diện tích cây xanh, không gian vui chơi, giải trí, đặc biệt trong các đô thị, khu dân cư trên địa bàn. Duy trì tỷ lệ che phủ cây lâm nghiệp và cây công nghiệp lâu năm đạt 78,2% tổng diện tích tự nhiên trên toàn huyện.

Thường xuyên phối hợp cùng các ban ngành của huyện và Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện công tác thanh, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường tại các công ty, hộ gia đình, cá nhân nhằm phát hiện và xử lý kịp thời trước khi xảy ra tình trạng ô nhiễm môi trường.

- Đối với công tác quản lý tài nguyên khoáng sản: thường xuyên theo dõi, bám sát địa bàn nhằm phát hiện kịp thời các trường hợp kinh doanh, khai thác khoáng sản không có giấy phép quy định làm ảnh hưởng đến môi trường.

- Số lượng các cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản đã thực hiện ký quỹ trên địa bàn huyện Bàu Bàng: Công ty CP Vật liệu và Xây dựng Bình Dương (Mỏ sét Long Nguyên 2); Công ty CP Vật liệu xây dựng Becamex (Mỏ sét gạch ngói Long Nguyên 1 và Mỏ sét gạch ngói Long Nguyên 2).

2.7. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

- Trong năm 2022, trên địa bàn huyện không xảy ra sự cố môi trường.

- Trong năm 2022, UBND huyện đã chỉ đạo thực hiện nội dung kiến nghị của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn về ô nhiễm hồ Từ Vân. Qua đó Sở Tài nguyên và Môi trường đã có văn bản số 3251/STNMT-CCBVMT ngày 08/9/2022 về kết quả khảo sát các nguồn thải vào hồ Từ Vân 1, hồ Từ Vân 2 thuộc ấp Cầu Sắt, xã Lai Hưng, huyện Bàu Bàng.

2.8. Báo cáo kết quả thực hiện việc di dời dân cư sinh sống trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung theo lộ trình chuyển đổi các làng nghề thành cụm công nghiệp, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung được UBND cấp tỉnh phê duyệt

Trên địa bàn huyện Bàu Bàng hiện nay không có hộ dân cư sinh sống trong khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung theo lộ trình chuyển đổi các làng nghề thành cụm công nghiệp, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung được UBND cấp tỉnh phê duyệt.

2.9. Bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên, đa dạng sinh học

Theo số liệu thu thập tại Chi cục kiểm lâm tỉnh thì hiện nay trên địa bàn Bàu Bàng không có di sản thiên nhiên, khu bảo tồn, cơ sở bảo tồn; có 01 loài quý hiếm cần ưu tiên bảo vệ là Công-Pavomuticus tại xã Lai Hưng, không có các loài đặc hữu và không có các loài bị đe dọa theo Sách đỏ Việt Nam và Danh mục đỏ của IUCN.

Việc bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên, đa dạng sinh học trong Kế hoạch bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu huyện Bàu Bàng giai đoạn 2022-

2025 chủ yếu:

- Xây dựng và triển khai thực hiện hiệu quả phương án bảo vệ môi trường, phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai, phương án bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên trong quy hoạch tỉnh Bình Dương thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn 2050.

- Kiểm soát, ngăn chặn tình trạng khai thác, đánh bắt, buôn bán trái phép thực vật, động vật hoang dã, quý hiếm; ngăn chặn các hình thức đánh bắt, khai thác thủy sản mang tính hủy diệt; tăng cường kiểm soát các loài sinh vật ngoại lai xâm hại.

- Không điều chỉnh, mở rộng đất hoạt động khoáng sản trong quy hoạch sử dụng đất, khuyến khích khai thác, tận thu khoáng sản đối với khu vực đã được cấp phép. Kiểm soát, ngăn ngừa, phát tán bụi, xả khí thải gây ô nhiễm, suy thoái môi trường, sự cố môi trường trong khai thác và chế biến khoáng sản; quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước, khai thác và sử dụng nguồn nước tiết kiệm, hiệu quả.

Trong năm 2022, diện tích rừng toàn huyện là 192,43 ha (rừng đặc dụng), diện tích rừng chiếm 0,6% tổng diện tích tự nhiên, diện tích rừng vẫn giữ nguyên so với năm 2021.

3. Điều kiện và nguồn lực về bảo vệ môi trường

3.1. Cơ cấu tổ chức và nguồn lực bảo vệ môi trường

❖ Về tổ chức

Phòng Tài nguyên Môi trường là cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND huyện có chức năng tham mưu cho UBND huyện về công tác quản lý đất đai, khoáng sản, tài nguyên nước, môi trường trên địa bàn huyện.

Các xã, thị trấn trên địa bàn huyện đều có bộ phận địa chính – xây dựng – môi trường, trong đó có bố trí cán bộ phụ trách công tác quản lý môi trường có trách nhiệm tham mưu cho UBND xã công tác quản lý môi trường trên địa bàn các xã, thị trấn.

❖ Về nhân sự

Tổng số cán bộ, công chức, nhân viên của phòng Tài nguyên Môi trường là 13, bao gồm: 05 biên chế (gồm 01 Trưởng phòng, 02 Phó Trưởng phòng và 02 chuyên viên) và 08 hợp đồng. Trong đó, có 4 cán bộ làm công tác quản lý về môi trường (gồm 1 phó trưởng phòng phụ trách công tác quản lý môi trường, 02 chuyên viên và 1 nhân viên phụ trách thu phí nước thải công nghiệp).

Về trình độ chính trị: hiện có 02 cán bộ lãnh đạo có trình độ cao cấp chính trị, 07 cán bộ công chức có trình độ trung cấp chính trị hành chính.

Về trình độ chuyên môn của cán bộ làm công tác quản lý về môi trường: đội ngũ cán bộ, công chức của Đơn vị đều có trình độ đại học, có chuyên ngành phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao.

Toàn bộ 7/7 xã, thị trấn trên địa bàn huyện đều có cán bộ phụ trách công tác môi trường. Số lượng cán bộ phụ trách môi trường các xã, thị trấn là 07 người, trình độ Đại học 7/7 người.

3.2. Nguồn lực tài chính

Việc đầu tư kinh phí cho sự nghiệp môi trường đã được quan tâm và tăng lên qua các năm theo nhu cầu của công tác bảo vệ môi trường của huyện. Căn cứ dự toán chi ngân sách UBND tỉnh giao, UBND huyện đã xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí từ ngân sách sự nghiệp môi trường sát với thực tiễn và phù hợp với việc bảo vệ môi trường của mỗi ngành và địa phương. Năm 2022, tổng kinh phí cho các hoạt động bảo vệ môi trường là 23.500.000.000 đồng.

Với tổng số ngân sách chi hoạt động sự nghiệp bảo vệ môi trường đã được giao thì phần lớn được sử dụng cho các dịch vụ thu gom vận chuyển, xử lý chất thải rắn (chiếm tỷ lệ 85%) và kinh phí được sử dụng cho thực hiện các Đề án, Nhiệm vụ môi trường; Công tác thanh kiểm tra môi trường và các hạng mục, công trình khác... trên tổng ngân sách chi sự nghiệp bảo vệ môi trường.

4. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu thống kê môi trường

- Các chỉ tiêu thống kê môi trường quốc gia trong danh mục các chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật thống kê số 01/2021/QH15 ngày 12 tháng 11 năm 2021:

Bảng 1: Các chỉ tiêu thống kê môi trường quốc gia theo quy định Luật thống kê

STT	Mã số	Nhóm, tên chỉ tiêu	ĐVT	Số liệu	Ghi chú
21. Bảo vệ môi trường					
1	2101	Diện tích rừng hiện có	ha	192,4	Rừng đặc dụng
2	2102	Tỷ lệ che phủ rừng	%	0,6	
3	2103	Số vụ thiên tai và mức độ thiệt hại	Vụ; VNĐ	0;0	
4	2104	Số khu và diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên	Số lượng; m ²	0;0	
5	2105	Diện tích đất bị thoái hoá	ha	-	Chưa có trong hệ thống thống kê, không thể tiến hành thu thập, tính toán

STT	Mã số	Nhóm, tên chỉ tiêu	ĐVT	Số liệu	Ghi chú
6	2106	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý	%	100	
7	2107	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý	%	94	
8	2108	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100	
9	2109	Tỷ lệ cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	-	Trên địa bàn huyện không có cụm công nghiệp
10	2110	Lượng phát thải khí nhà kính bình quân đầu người	-	-	Chưa có trong hệ thống thống kê, không thể tiến hành thu thập, tính toán
11	2111	Tỷ lệ ngày trong năm có nồng độ bụi PM2,5 và PM10 trong môi trường không khí vượt quá quy chuẩn kỹ thuật môi trường cho phép tại các đô thị từ loại IV trở lên	-	-	Chưa có trong hệ thống thống kê, không thể tiến hành thu thập, tính toán

- Các chỉ tiêu thống kê môi trường của ngành tài nguyên và môi trường theo Quyết định số 1354/QĐ-UBND ngày 24 tháng 05 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Bình Dương về việc ban hành Kế hoạch bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Bình Dương giai đoạn 2021-2025 và Quyết định số 1449/QĐ-UBND ngày 23 tháng 05 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức về việc ban hành Kế hoạch bảo vệ môi trường huyện Thủ Đức giai đoạn 2022-2025:

Bảng 2: Các chỉ tiêu thống kê môi trường của UBND tỉnh Bình Dương và huyện Bàu Bàng

STT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Mục tiêu cấp tỉnh	Mục tiêu cấp huyện	Kết quả năm 2022	Ghi chú
1	Tỷ lệ cơ sở sản xuất không gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được kiểm tra, xử lý	%	100	100	100	
2	Tỷ lệ dự án đầu tư mới được bố trí phù hợp với quy hoạch và có hệ thống xử lý chất thải đạt quy chuẩn môi trường	%	100	100	100	
3	Tỷ lệ các khu, cụm công nghiệp đi vào hoạt động có hệ thống xử lý nước thải đạt quy chuẩn môi trường	%	100	100	100	
4	Tỷ lệ các khu nhà ở mới có hệ thống thoát nước và xử lý nước thải tập trung theo đúng quyết định phê duyệt	%	100	100	100	
5	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý	%	99	95	95	
6	Tỷ lệ chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý	%	100	100	100	
7	Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn có công trình vệ sinh đạt yêu cầu	%	100	100	100	
8	Tỷ lệ dân cư đô thị sử dụng nước sạch	%	100	100	65	

STT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Mục tiêu cấp tỉnh	Mục tiêu cấp huyện	Kết quả năm 2022	Ghi chú
9	Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh	%	100	100	100	
10	Tỷ lệ che phủ cây lâm nghiệp và cây công nghiệp lâu năm	%	57,5	73	73	

5. Đánh giá chung

5.1. Đánh giá chung kết quả đạt được

Trong năm 2022, công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện bầu bàng ngày càng được kiểm soát chặt chẽ, nhất là kiểm soát chất lượng môi trường trên hệ thống sông suối, kênh rạch, các chỉ tiêu thống kê về môi trường đều đạt và vượt so với mục tiêu đề ra, góp phần nâng cao kết quả, hiệu lực của công tác bảo vệ môi trường trên toàn tỉnh Bình Dương.

Bên cạnh các kết quả đạt được, công tác quản lý môi trường trên địa bàn huyện vẫn còn một số tồn tại cần tiếp tục cải thiện trong năm 2023 như sau:

- Việc kiểm tra trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đối với các tổ chức cá nhân trên địa bàn huyện trong thời gian qua tuy có tăng cường nhưng còn thấp so với số lượng cơ sở sản xuất, hộ chăn nuôi đang hoạt động trên địa bàn, chủ yếu tập trung vào các tổ chức cá nhân có ngành nghề hoạt động sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường hay phát sinh lượng chất thải lớn.

- Công tác thu gom chất thải sinh hoạt chưa thường xuyên, còn tồn đọng gây ô nhiễm môi trường cục bộ tại một số địa điểm (tại các điểm tập kết chất thải sinh hoạt còn rơi vãi bên ngoài; có nhiều rác công kênh bỏ bờ bãi; tại các KCN thuộc KCN Bầu Bàng khối lượng phát sinh nhiều nhưng chưa được thu gom hàng ngày).

- Vẫn còn tình trạng nước thải của các doanh nghiệp, hộ chăn nuôi xử lý không đạt quy chuẩn thải ra kênh rạch, sông suối gây ô nhiễm môi trường, đặt biệt là tại lưu vực suối Bến Ván.

- Hệ thống thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt chưa được phủ kín trên toàn huyện, tại một số địa phương mật độ dân cư thưa thớt nên hệ thống thu gom chất thải rắn sinh hoạt chưa đến để thu gom được toàn bộ lượng chất thải phát sinh.

5.2. Những vấn đề tồn tại, hạn chế trong công tác bảo vệ môi trường

a. Nguyên nhân khách quan do những khó khăn sau

Hệ thống chính sách văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường mới được ban hành thay thế, nhiều quy định mới nhưng vẫn chưa rõ ràng, cụ thể, thậm chí còn chồng chéo và mâu thuẫn; còn thiếu các hướng dẫn kỹ thuật về quản lý chất thải sinh hoạt, nhất là việc triển khai phân loại rác tại nguồn; quy định về trách nhiệm của UBND cấp huyện trong quản lý nhà nước và môi trường rất nhiều theo định hướng phân cấp, phân quyền về cơ sở dẫn đến bất cập trong triển khai thực hiện.

- Nhân sự làm công tác quản lý môi trường cấp huyện và cấp xã hiện nay quá thấp so với quy mô phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị của địa phương; trong khi số lượng doanh nghiệp lớn, có quy mô đầu tư, ngành nghề đa dạng đã gây áp lực khó khăn cho công tác quản lý. Khối lượng công việc về tài nguyên môi trường ngày càng tăng, trung bình tăng khoảng 10-15% hàng năm nhưng biên chế phải sắp xếp, tinh giản theo lộ trình chung. Bên cạnh đó, theo quy định tại Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 quy định mức chi lương cho hợp đồng lao động bằng 1,5 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định, mức chi này khá thấp không đảm bảo đời sống cho người lao động và không phù hợp với thu nhập tối thiểu vùng của người lao động hiện nay nên khó thu hút và bố trí nhân sự cho cấp xã chuyên trách về quản lý môi trường trên địa bàn.

- Nhận thức của cộng đồng và doanh nghiệp trong thời gian qua đã được nâng lên, tuy nhiên ý thức tự giác bảo vệ môi trường chưa trở thành một thói quen, nếp sống thường xuyên của người dân và doanh nghiệp.

- Thực tế quản lý hiện nay cho thấy trên địa bàn tỉnh nói chung và huyện Bầu Bàng nói riêng phát triển rất nhiều các trang trại chăn nuôi quy mô công nghiệp, tuy nhiên các quy định về xử lý, tái sử dụng chất thải chăn nuôi chưa kịp thời ban hành (Luật Bảo vệ Môi trường, Luật Chăn nuôi giao trách nhiệm cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn) dẫn đến việc kiểm tra, giám sát hoạt động bảo vệ môi trường trong lĩnh vực chăn nuôi còn nhiều bất cập, các quy định xả thải hiện hành không phù hợp với điều kiện thực tiễn và đặc thù của ngành chăn nuôi.

b. Nguyên nhân chủ quan:

- Chưa phát huy đầy đủ vai trò và huy động sự tham gia toàn diện của các tổ chức, doanh nghiệp và nhân dân cũng như sự giám sát của toàn xã hội đối với công tác bảo vệ môi trường.

- Tổ chức bộ máy quản lý môi trường các cấp đã được nâng cao nhưng vẫn chưa theo kịp yêu cầu quản lý, nhất là cấp cơ sở.

- Hiệu lực, hiệu quả của công tác thanh kiểm tra, xử lý vi phạm trong công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn vẫn còn nhiều hạn chế.

- Một số nguồn thải lớn được sự quản lý của cấp Sở, nên chính quyền địa phương cấp huyện chỉ phối hợp thanh kiểm tra và không có thông tin cơ sở để xử phạt khi vi phạm hoặc khắc phục sự cố xảy ra.

- Hiệu quả giám sát việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường chưa cao. Nguồn lực đầu tư cho xây dựng hạ tầng cơ sở kỹ thuật về cấp thoát nước, xử lý chất thải còn thiếu do đó chưa theo kịp tốc độ phát triển kinh tế - xã hội.

6. Mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp bảo vệ môi trường năm 2023

6.1. Nhiệm vụ, phương hướng bảo vệ môi trường năm 2023

6.1.1. Chủ động phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm và ngăn chặn các nguồn gây ô nhiễm, các sự cố môi trường

- Xây dựng và ban hành kế hoạch triển khai thực hiện các giải pháp phương án bảo vệ môi trường trong quy hoạch xây dựng phát triển vùng của huyện Bàu Bàng và Phương án phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của huyện Bàu Bàng và quy hoạch phát triển đô thị huyện Bàu Bàng, trong đó chú trọng việc phân vùng môi trường, hạn chế đầu tư vào các khu vực, vùng không còn khả năng chịu tải về môi trường hoặc các khu vực đô thị, đông dân cư, khu vực nhạy cảm về môi trường.

- Thực hiện công tác thanh kiểm tra, giám sát công tác bảo vệ môi trường của các dự án đầu tư, cơ sở đang hoạt động và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo quy định; Tổ chức giám sát, kiểm tra theo chuyên đề đối với hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt từ điểm tập kết đến Khu xử lý chất thải rắn tập trung và hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải công nghiệp đối với các cơ sở theo thẩm quyền.

- Triển khai các nhiệm vụ, đề án về bảo vệ môi trường trong Kế hoạch bảo vệ môi trường huyện Bàu Bàng giai đoạn 2022 – 2025; tăng cường việc số hóa dữ liệu, số liệu quản lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong dự báo, đánh giá diễn biến chất lượng môi trường và kiểm soát ô nhiễm.

- Điều tra, lập danh sách các cơ sở có nguy cơ gây xảy ra sự cố môi trường thuộc thẩm quyền; yêu cầu lập và triển khai kế hoạch doanh nghiệp ứng phó sự cố môi trường theo quy định.

- Tổ chức các lớp tập huấn, triển khai Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020, NĐ 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và TT 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường,...

- Tổ chức cấp Giấy phép môi trường cho các dự án, cơ sở đúng theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020, NĐ 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và TT 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Xây dựng báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023 và gửi về HĐND huyện, UBND tỉnh trước ngày 31/01/2024 theo quy định tại điểm a, Khoản 1, Điều 118, Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020.

- Rà soát, cập nhật và tổ chức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp đối với các cơ sở sản xuất theo thẩm quyền theo quy định tại Khoản 3, Điều 2 và Khoản 1, Điều 3 NĐ 53/2020/NĐ-CP ngày 05/5/2020 của Chính phủ.

6.1.2. Cải thiện nâng cao các vấn đề môi trường, giải quyết các vấn đề môi trường bức xúc

- Thực hiện rà soát, thống kê và đánh giá chất lượng môi trường đối với các nguồn thải đổ vào các lưu vực suối, kênh, rạch để kiểm soát và có giải pháp quản lý phù hợp nhằm cải thiện chất lượng môi trường nước mặt trên địa bàn, nhất là các suối đang tiếp nhận các nguồn thải lớn, khu vực phát triển đô thị.

- Điều tra, kiểm soát và lập danh sách các điểm nóng môi trường, các khu vực thường xuyên có phản ánh về ô nhiễm môi trường và lập kế hoạch kiểm soát ô nhiễm, quản lý chất lượng môi trường (suối Bến Ván, các cơ sở kinh doanh, phân loại phế liệu trong khu vực đô thị, các trang trại chăn nuôi có lưu lượng nước thải lớn tại các vị trí không có nguồn tiếp nhận nước mặt hoặc thải vào đầu nguồn của hệ thống sông, suối,...); nạo vét, cải tạo khơi thông dòng chảy nhằm cải thiện chất lượng môi trường nước mặt suối Bến Ván.

- Quản lý chất thải rắn sinh hoạt:

+ Kiến toàn hệ thống, lực lượng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt và lựa chọn cơ sở thu gom, vận chuyển, xử lý đáp ứng yêu cầu theo quy định để chuẩn bị tốt cho việc triển khai thực hiện phân loại rác tại nguồn theo lộ trình của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và hướng dẫn phân loại chất thải của UBND tỉnh Bình Dương.

+ Quy hoạch, xác định các điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn (nếu cần) trong quá trình rà soát Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 trên địa bàn huyện Bàu Bàng và Kế hoạch sử dụng đất năm 2023, 2024.

+ Xây dựng kế hoạch và quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện theo quy định tại Khoản 2, Điều 63, NĐ 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ (bao gồm kế hoạch thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo quy định tại Điều 75 và Khoản 7, Điều 79 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và theo kế hoạch chung của UBND tỉnh).

- Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quản lý đối với hoạt động của các cơ sở kinh doanh phế liệu theo thẩm quyền đang hoạt động trên địa bàn huyện theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại văn bản số 736/UBND-KT ngày 20/02/2022 và Kế hoạch số 5179/KH-UBND ngày 04/10/2022 của UBND tỉnh về việc tăng cường công tác quản lý hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn công nghiệp và hoạt động kinh doanh phế liệu trên địa bàn tỉnh.

- Rà soát, đánh giá mức độ đạt từng tiêu chí theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025 của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Bình Dương, để phân đầu tất đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao đối với các xã chưa được công nhận đạt chuẩn trên địa bàn huyện (Trù Văn Thố, Tân Hưng, Hưng Hòa) nhằm góp phần thực hiện công tác bảo vệ môi trường nông thôn theo quy định quy định tại Khoản 1 và Khoản 2, Điều 58, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

6.1.3. Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, thúc đẩy bảo vệ môi trường trong khai thác, sử dụng tài nguyên

- Xây dựng và triển khai các phương án bảo vệ môi trường, phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai gắn với bảo tồn hệ sinh thái sông suối, bảo vệ nguồn tài nguyên thủy sản theo quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất hàng năm.

- Bảo vệ, quản lý, bảo tồn diện tích rừng hiện có; bảo vệ thảm thực vật ven sông thông qua việc thực hiện các quy định về hành lang bảo vệ nguồn nước, duy trì môc hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn huyện; nâng cao tỷ lệ che phủ cây xanh trên toàn huyện.

6.2. Giải pháp bảo vệ môi trường trong năm 2023

1. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý; tổ chức hội nghị tập huấn, tuyên truyền Luật Bảo vệ môi trường hướng dẫn các doanh nghiệp thuộc đối tượng cấp giấy phép môi trường phải lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đúng thời hạn quy định tại Khoản 2, Điều 42, Luật Bảo vệ môi trường 2020.

2. Định kỳ hàng quý rà soát, cập nhật thông tin các doanh nghiệp lên cơ sở dữ liệu và cổng thông tin quản lý môi trường Bình Dương để phục vụ công tác quản lý; tiếp tục rà soát, điều tra cập nhật thông tin đầu tư đối với các doanh nghiệp còn thiếu thông tin.

3. Tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các doanh nghiệp trên địa bàn theo thẩm quyền, quy định tại Điều 163 NĐ 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định.

4. Rà soát, thống kê, hướng dẫn, nhắc nhở và kiểm tra các doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn chưa có giấy phép môi trường phải lập hồ sơ cấp giấy phép môi trường theo quy định, bảo đảm tất cả các doanh nghiệp đang hoạt động thuộc đối tượng theo thẩm quyền được cấp giấy phép môi trường trước ngày 01/01/2025.

5. Phối hợp với UBMTTQ và các tổ chức công tác xã hội thực hiện các chuyên đề tuyên truyền trọng tâm và phân loại rác tại nguồn, hạn chế sử dụng túi nylon, tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu.

6. Xây dựng các phương án bảo vệ môi trường trong Quy hoạch xây dựng vùng huyện Bàu Bàng đến năm 2040 để đảm bảo phát triển lĩnh vực dịch vụ nông nghiệp, dịch vụ đô thị, kho bãi logistics... theo hướng thu hút đầu tư, phát triển bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống; quy hoạch đô thị gắn với phát triển thương mại, nâng cao chất lượng đô thị hạn chế hạn chế tác động đến môi trường.



Kiểm soát chặt chẽ việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất nhất là đất nông nghiệp, đất mặt nước, giảm thiểu diện tích chiếm dụng đất.

7. Tiếp tục kiện toàn hệ thống cơ quan quản lý nhà nước từ cấp huyện đến cấp xã, nhất là nâng cao năng lực và trình độ cho đội ngũ cán bộ công chức, ứng dụng kỹ thuật số, dịch vụ công trực tuyến để cắt giảm tối đa các giao dịch trực tiếp, đáp ứng được khối lượng công việc nhưng nhân sự có hạn.

8. Xây dựng quy chế phối hợp giữa Phòng Tài nguyên và Môi trường và các lĩnh vực liên quan như đô thị, kinh tế, nông nghiệp và giữa các cơ quan quản lý nhà nước từ cấp huyện, cấp xã để thực hiện công tác giám sát, phối hợp thực hiện nhiệm vụ đồng bộ, thống nhất, nhất là trong công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt, xây dựng nông thôn mới nâng cao. Tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường của các ngành, UBND cấp xã, phát huy tính chủ động, tích cực, sáng tạo của các tổ chức chính trị xã hội trong việc giám sát hoạt động bảo vệ môi trường.

III. Đề xuất, kiến nghị

1. Kiến nghị UBND tỉnh bổ sung hợp đồng lao động cho huyện Bàu Bàng để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp huyện từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường theo quy định tại Thông tư 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường; Kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nội vụ có cơ chế chính sách và biên chế về nhân sự cho lĩnh vực môi trường để công tác quản lý nhà nước về môi trường trong thời gian tới đạt hiệu quả.

2. Kiến nghị UBND tỉnh sớm ban hành quy định về đơn giá thu gom, vận chuyển, hướng dẫn về phân loại rác tại nguồn và tiêu chí, hướng dẫn kỹ thuật trong lựa chọn công nghệ đầu tư thu gom, xử lý chất thải sinh hoạt theo các mức độ và quy mô khác nhau để các huyện căn cứ điều kiện phát triển kinh tế xã hội của địa phương mà thực hiện.

3. Kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở, Ngành cấp tỉnh có liên quan phối hợp UBND huyện tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý các đơn vị xả nước thải vào các lưu vực đang bị ô nhiễm, chất lượng nước mặt bị suy giảm; hỗ trợ, hướng dẫn huyện Bàu Bàng trong công tác chuyên môn góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường của địa phương.

Nơi nhận: *lưu*

- Như trên;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Phòng TNMT;
- Lưu: VT *VT*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

Kí. CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Thương